

6. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

Bảng các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT						
STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TCTĐ	HỆ SỐ SĐĐ	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ MÁY		340.217			74,49%
1	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.1	100.984	1-5	3,50	
2	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.2	102.300	1-5	3,50	
3	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.3	63.607	1-5	3,50	
4	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.4	16.202	1-5	3,50	
5	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.5	25.358	1-5	3,50	
6	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.6	31.766	1-5	3,50	
II	ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC	CX	47.355			10,37%
1	Đất cây xanh		46.523			10,19%
2	Mặt nước		832			0,18%
III	ĐẤT HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ	HCDV	2.604	4-5	3,00	0,57%
IV	ĐẤT HTKT	HTKT	11.614	1-2		3%
V	ĐẤT GIAO THÔNG		54.940			12,03%
1	Đất bãi đỗ xe tĩnh	P	2.206			0,03%
2	Đất đường giao thông		52.734			12%
VI	TỔNG		456.730			100 %

7. Chỉ giới đường đỏ và xây dựng

- Chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới trong quy hoạch, được xác định cụ thể theo mặt cắt ngang.

- Chỉ giới xây dựng: Khu vực chủ yếu là nhà xưởng sản xuất, kho bãi, các công trình xây dựng trong khu vực không đáng kể, do đó quy định về chỉ giới xây dựng cho toàn khu > 3m.

- Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng đường được thể hiện trên bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới xây dựng tỷ lệ 1/500.

8. Thiết kế đô thị

a) Quy hoạch tổng mặt bằng

- Từ đường TL248, mở trục đường vuông góc có mặt cắt lòng đường 15,0m, vỉa hè 6,0m. Mở tuyến đường trục chính xuyên suốt khu đất theo hướng đông tây, có quy mô mặt cắt đường 27m trong đó lòng đường 7,50mx2, vỉa hè mỗi bên 2x6m được thiết kế mở để kết nối với các dự án liền kề và các dự án trong tương lai tuyến đường này do nhà nước đầu tư. Tại vị trí cửa ngõ, bố trí công trình hành chính - dịch vụ, bãi đỗ xe kết hợp khuôn viên cây xanh - mặt nước có diện tích khoảng 0,48 ha tạo bộ mặt và điểm nhấn cho Cụm công nghiệp.

- Từ tuyến đường trục chính, mở các trục giao thông nhánh có mặt cắt đường 20,0m đến 21,5m, trong đó lòng đường từ 10,0m đến 11,5m, vỉa hè 2 bên 2x5m, tạo thành mạng lưới giao thông mạch lạc và hoàn chỉnh.

- Bố cục không gian có sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc, đảm bảo khoảng cách và bố trí hài hòa giữa đất ở và đất tiện ích công cộng. Cung cấp tiện nghi, hệ thống không gian mở cho toàn bộ khu cụm công nghiệp.

Bố cục không gian có sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc, đảm bảo khoảng cách và bố trí hài hòa giữa đất ở và đất tiện ích công cộng. Cung cấp tiện nghi, hệ thống không gian mở cho người dân và người làm việc trong cụm công nghiệp.

b) Tổ chức không gian kiến trúc

- Khu hành chính dịch vụ được bố trí ngay vị trí cửa ngõ phía Tây khu đất. Nơi đây là nơi quản lý của Cụm công nghiệp, trưng bày sản phẩm..., giao dịch của Cụm công nghiệp.

- Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường

Việc quy hoạch các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ở những vị trí phù hợp với việc đấu nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực. Phương án xử lý đặt ngầm dưới đất tối đa và áp dụng công nghệ xử lý đảm bảo cảnh quan khu vực và bảo vệ môi trường. Các công trình này đều có hệ thống cây xanh - thảm cỏ cách ly.

* Đường giao thông, bãi đỗ xe

- Hệ thống giao thông được quy hoạch đơn giản theo mạng lưới ô bàn cờ, liên thông rất thuận lợi cho việc kết nối luân chuyển lưu thông hàng hoá. Ngoài ra dọc theo các trục đường bố trí hệ thống cây xanh trên vỉa hè với khoảng cách từ 7÷10m/1hố trồng cây, góp phần tạo cảnh quan cho Cụm công nghiệp;

- Các đường nhánh liên kết các nhà máy được liên kết trục chính tạo ra mạng lưới liên thông và chặt chẽ;

- Bãi đỗ xe được bố trí tập chung có diện tích 2.206,0m² phục vụ công tác vận hành chung và trong các lô đất cũng được bố trí riêng theo từng nhà máy đảm bảo phục vụ cho công nhân làm việc.

* Công viên - cây xanh - hồ nước: Hệ thống công viên - cây xanh - hồ điều hòa được bố trí ở vị trí hợp lý góp phần quan trọng trong việc tạo cảnh quan Cụm công nghiệp, cải thiện môi trường và phòng cháy, chữa cháy.

c) Các công trình quy hoạch xây dựng gồm có:

- Khu nhà hành chính: Diện tích đất xây dựng là 2.604m² chiếm tỷ lệ 0.57% diện tích toàn khu, với tầng cao tối đa là 5 tầng, mật độ xây dựng 60%, hệ số sử dụng đất 3 lần. Bao gồm nhà làm việc và các công trình phụ trợ như vệ sinh, cây xanh sân vườn.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích đất là 11.614m² chiếm tỷ lệ 2,54% diện tích toàn khu, với tầng cao tối đa là 2 tầng, mật độ xây dựng 70%, hệ số sử dụng đất 1,4 lần.

- Khu nhà xưởng và kho: Tổng diện tích đất là 47.355m^2 chiếm tỷ lệ 74,49% diện tích toàn khu, với tầng cao tối đa là 5 tầng, mật độ xây dựng 70%, hệ số sử dụng đất 3,5 lần, gồm 6 khu, cụ thể:

- Khu nhà xưởng CN.1: 10.0984 m^2 .
- Khu nhà xưởng CN.2: 10.2300 m^2 .
- Khu nhà xưởng CN.3: 63.607 m^2 .
- Khu nhà xưởng CN.4: 16.202 m^2 .
- Khu nhà xưởng CN.5: 25.358 m^2 .
- Khu nhà xưởng CN.6: 31.766 m^2 .

d) Cây xanh - mặt nước: Tổng diện tích là 47.355m^2 , chiếm tỷ lệ 10,37%, diện tích toàn khu, gồm các dải cây xanh cảnh quan chạy dọc theo ranh giới và bao quanh các khu nhà xưởng.

j) Giao thông: Tổng diện tích là 54.940m^2 chiếm tỷ lệ 12,03% diện tích toàn khu, bao gồm diện tích bãi đỗ xe tĩnh 2.206m^2 và các trục đường .

9. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông đối ngoại

Giao thông đối ngoại của khu vực là tuyến đường chính (đường kết nối ra ĐT 248) nằm phía Đông khu vực, chỉ giới đường đỏ 27m (6,0+15+6,0) sẽ được nhà nước đầu tư.

b) Giao thông nội bộ

- Xây dựng các tuyến đường khu vực của nhà máy chạy vuông góc và song song với đường chính khu vực, chỉ giới đường đỏ từ 20,0m - 21,0m.

- Cao độ tại các nút giao là cao độ hoàn thiện tại tim đường, được xác định, khống chế theo cao độ các công trình hiện trạng đã đầu tư xây dựng và mạng lưới giao thông khung theo quy hoạch cấp trên.

- Quy mô mặt cắt các tuyến đường:

+ Mặt cắt 1-1:

Đường chính khu vực kết nối do nhà nước thực hiện đầu tư có chiều rộng mặt đường: $7,5+7,5=15,0\text{m}$; Chiều rộng hè đường: $6,0\times 2=12,0\text{m}$.

Giao thông đối nội

Mạng lưới giao thông nội bộ trong khu vực được tổ chức liên hoàn, khép kín gồm 5 loại mặt cắt như sau:

+ Mặt cắt 2-2 (Gồm các tuyến 1; Tuyến 3):

Lộ giới: 21,50 m.

Mặt đường: 11,0 m (Đốc ngang 2 mái, độ dốc 2%).

Hè đường: $6\times 1+4,5\times 1=10,50\text{ m}$ (Độ dốc 1,5%).

+ Mặt cắt 3-3 (Tuyến 4):

Lộ giới: 21,50 m.

Mặt đường: 11,50 m (Dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%).

Hè đường: $5 \times 2 = 10,0$ m (Độ dốc 1,5%).

+ Mặt cắt 4-4 (Tuyến 5):

Lộ giới: 20,0 m.

Mặt đường: 10,0 m (Dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%).

Hè đường: $5 \times 2 = 10,0$ m (Độ dốc 1,5%).

Dải cây xanh cách ly $2 \times 3,0$ m.

+ Mặt cắt 5-5 (tuyến 2):

Lộ giới: 20,0 m.

Mặt đường: 10,0 m (Dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%).

Hè đường: $5 \times 2 = 10,0$ m (Độ dốc 1,5%).

Dải cây xanh cách ly $2 \times 2,0$ m.

+ Mặt cắt 6-6:

Lộ giới: 37,50 m.

Mặt đường: $2 \times 11,25$ m (Dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%).

Hè đường: $6 \times 2 = 12,0$ m (Độ dốc 1,5%).

Dải cây xanh cách ly $1 \times 10,0$ m; Dải phân cách 3,0m.

+ Mặt cắt 7-7 (Đường khu vực):

Lộ giới: 38,0 m.

Mặt đường: $2 \times 11,50$ m (dốc ngang 2 mái, độ dốc 2%).

Hè đường: $6 \times 2 = 12,0$ m (độ dốc 1,5%).

Dải cây xanh cách ly $1 \times 10,0$ m; Dải phân cách 3,0m.

c) Quy hoạch san nền

- Cao độ hiện trạng khu vực quy hoạch chủ yếu là ruộng canh tác nông nghiệp và đồi, có địa hình tương đối phức tạp, cao độ tự nhiên thấp nhất ~ 285.50 (m) cao độ cao nhất ~ 309.30 (m).

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền không chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch.

- Cốt san nền thấp nhất khoảng $+288.0$ m; cốt san nền cao nhất khoảng $+289.30$ m

- Khoanh vùng đắp lớn, thiết kế đường đồng mức trong lô với độ dốc nền từ 0.4% đảm bảo thoát nước mặt và kiến trúc cảnh quan, tạo điều kiện thuận lợi đặt công trình. Khối lượng san lấp và các giải pháp kè chắn đất, gia cố mái dốc sẽ được tính toán sau khi có các dự án xây dựng cụ thể cho từng hạng mục công trình.

- Xác định cốt san nền tại toàn bộ các nút giao thông, đỉnh phân lưu, tụ thủy, sau đó vẽ đường đồng mức san nền trên đường, chủ yếu là đường mai rùa và một số đường 1 mặt mái với chênh cao giữa 2 đường đồng mức là từ 0,05m

- Các lô đất đặt công trình lớn, thì tiến hành vẽ đường mức tới chân công trình, xác định cao độ trung bình san lấp..., độ dốc nền từ 0,4%, thuận lợi cho việc thoát nước mặt và việc đặt công trình xây dựng.

- Vị trí các khu công nghiệp xác định cốt đường vào khu công nghiệp, giúp việc bố trí công trình thuận lợi ở giai đoạn sau.

- Việc giải quyết chênh cao giữa các cấp nền và giữa đường giao thông và nền địa hình tự nhiên, sử dụng mái ta luy và kè tường chắn, vị trí mái taluy và kè tường chắn được xác định trên bản vẽ.

- Phương án thiết kế san nền ở các bước tiếp theo sẽ căn cứ vào cao độ khống chế tìm đường đã thiết kế ở giai đoạn này cũng như yêu cầu thoát nước mưa các lô đất để có phương án thích hợp.

- Độ dốc san nền phụ thuộc vào địa hình tự nhiên, độ dốc nền cho phép san tới 5%.

- Tại những nơi đắp ta đỉnh cao độ xây dựng đảm bảo độ cao san nền phù hợp.

- Chôn các cọc bê tông 10x10x150cm giữa cọc đặt 1 thanh thép $\Phi 10$, l=150cm để làm mốc kiểm tra tại các điểm mốc giới.

- Đất đắp được san từng lớp đảm bảo độ ẩm, lu lèn đạt độ chặt mới được trải lớp tiếp theo.

- Độ chặt yêu cầu của lớp đất san lấp là $K=0,85$.

- Đối với các vị trí đắp cao, mái taluy được ổn định bằng kè đá hộc. Tại những vị trí có nguy cơ sạt lở phải xử lý bằng tường chắn.

d) Quy hoạch cấp nước

Các chỉ tiêu cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước cho Cụm công nghiệp Q: 35 m³/ha-ngày đêm.

- Nước cấp dịch vụ, công cộng: 2 lít/m² sàn.ngày đêm.

- Nước cấp tưới cây, rửa đường: 10% Q.

- Nước dự phòng rò rỉ: 10% Q ngày đêm.

- Căn cứ vào các tiêu chuẩn dùng nước xác định được đường kính ống lớn nhất là ống cấp HDPE D200 và nhỏ nhất là D110, đường ống được dùng là ống nhựa HDPE PN10. Các tuyến ống cấp nước phân phối HDPE D200, D160, D110 được lắp đặt trên vỉa hè và qua đường.

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo mạng vòng và nhánh cụt xương cá.

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè, có độ sâu khoảng 0,5 m, qua đường 0,7-1,0m.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được tính toán thủy lực đảm bảo 2 trường hợp.

- Giờ dùng nước sản xuất - sinh hoạt lớn nhất.

- Giờ dùng nước sản xuất - sinh hoạt lớn nhất + có cháy.

- + Trong khu đất hạ tầng bố trí 1 bể dự trữ nước + trạm bơm cho cụm công nghiệp.

- + Dung tích bể chứa được chọn trên cơ sở đảm bảo dự trữ 30% lượng nước cho nhu cầu sử dụng sinh hoạt, sản xuất (tính cho ngày trung bình) và nước cho phòng cháy chữa cháy.

- + Dung tích bể trữ nước thiết kế khoảng: $V_b = 30\% \cdot 1800 + 1080 = 1620 \text{ m}^3$.

- + Trong các công trình công trình thương mại dịch vụ, xưởng thủ cấp cần có giải pháp phòng cháy chữa cháy riêng được thiết kế theo tiêu chuẩn ngành và được cụ thể hóa khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

e) Quy hoạch thoát nước mưa, nước thải

- Thoát nước mưa

- + Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

- + Nước mưa được thoát theo độ dốc của san nền và cốt đường giao thông nội bộ, qua hệ thống cống bê tông cốt thép trên các tuyến đường.

- + Nước mưa trong khu vực quy hoạch được thoát theo hai hướng chính.

- + Hướng thoát nước chủ đạo đồ án từ Tây sang Đông và từ Nam sang Bắc.

- + Toàn bộ nước mặt của khu vực được thu gom thoát ra suối hiện trạng phía Đông Bắc qua 2 cửa xả, sau đó nước được tiêu thoát ra suối Khuổi Phục.

- + Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 (m).

- + Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D600 đến D2000. Hệ thống cống hộp B2500.

- Thoát nước thải

- + Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- + Nước thải sản xuất từ các nhà máy được thoát vào hệ thống hố ga và cống HDPE D300 trên vỉa hè, sau đó nước được thu gom về trạm xử lý nước thải của khu vực lập quy hoạch đặt tại vị trí khu đất hạ tầng kỹ thuật (HTKT-01) ở phía Tây Bắc đồ án, nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn được thoát ra mương tiêu.

- + Hệ thống giếng thăm được bố trí cách nhau khoảng 30 (m).

- + Lưu lượng nước thải được tính bằng 100% lưu lượng dùng nước sinh hoạt và sản xuất. $Q_{\text{thải}} = 1400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

f) Quy hoạch quản lý chất thải rắn

- Quản lý chất thải rắn:

+ Dự báo chất thải rắn trong khu công nghiệp là 0,3 tấn/ha/ngày.

+ Lượng chất thải rắn của khu công nghiệp dự kiến là $45,67 \times 0,3$ tấn/ngày = 13,7 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn phải được thu gom, phân loại ngay tại các xưởng công nghiệp và các đơn vị phải đầu tư xử lý phù hợp và triệt để chất thải rắn nguy hại. Các chất thải rắn thông thường được thu gom thủ công về điểm tập kết trong cụm công nghiệp, từ đó vận chuyển nơi xử lý rác thải tập trung, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

- Đảm bảo việc tiêu thoát nước của cụm công nghiệp và khu hiện trạng được tốt nhất.

g) Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cấp cho dự án sẽ được đấu nối vào tuyến đường dây 35kV thuộc lộ 373 E13-2 Trạm biến áp 110kV Lộc Bình sau dịch chuyển cắt ngang qua dự án

- Giải pháp thiết kế:

* Giải pháp cấp điện 35kV cho dự án

+ Quy hoạch hệ thống tuyến đường điện 35kV đi nổi cấp điện cho dự án. Từ đường điện 35kV đi nổi cấp điện vào các cụm công nghiệp sẽ do các nhà đầu tư thứ cấp tính toán thực hiện (công suất điện cụ thể của từng Trạm biến áp sẽ do các nhà đầu tư thứ cấp tính toán thực hiện).

+ Do không cần yêu cầu cao về mỹ quan nên lưới điện trung thế 35kV trong khu vực được thiết kế chủ yếu sử dụng hệ thống đường dây điện đi nổi trên không trên hệ thống các cột điện li tâm cao 18m và hệ thống xà thép nhúng nóng và sứ cách điện 35kV. Hệ thống các cột điện được thiết kế đi nổi chạy dọc theo khu vực cây xanh phía sau khu công nghiệp. Trên hệ thống cột điện được bố trí hệ thống 1 mạch cấp điện 35kV.

+ Tuyến đường dây trên không là hệ thống bao gồm dây dẫn (dây nhôm lõi thép ACSR tiết diện 120mm²), cột bê tông ly tâm sử dụng loại cột có lực đầu cột 24kN, cột cao 18m, sử dụng móng bê tông mác 200 chôn cột, trên các cột lắp hệ thống xà, sứ cách điện. Tất cả chi tiết xà đều được mạ kẽm nhúng nóng và được tiếp địa tại từng vị trí cột. Tại các cột đỡ sử dụng sứ đứng kiểu sứ gốm ty mạ 35kV. Tại các cột néo sử dụng sứ bát 35kV dạng sứ đơn (4 bát/chuỗi), đối với các cột vượt đường sử dụng sứ bát 24kV dạng sứ kép (8 bát/chuỗi). Cột điện được trồng mới dọc hướng tuyến và phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của ngành điện

* Trạm biến áp 35(22)/0,4kV trong khu quy hoạch

+ Việc tính toán và xây dựng các Trạm biến áp để cấp điện cho các khu đất công nghiệp của dự án sẽ do các nhà đầu tư thứ cấp tính toán thực hiện.. Thiết kế bố trí 1 trạm biến áp công suất $S=1 \times 400$ kVA, $U=35(22)/0,4$ kV tại khu hành chính dịch vụ để cấp điện cho khu hành chính dịch vụ, cấp điện chiếu sáng và cấp điện thi công trong giai đoạn đầu dự án.

- + Trạm biến áp cho các lô đất sẽ do các nhà đầu tư thứ cấp xây dựng.
- + Các trạm biến áp dự kiến sử dụng loại trạm treo.
- + Vị trí, công suất trạm biến áp trong bản vẽ chỉ là định hướng, việc xác định cụ thể sẽ được thực hiện ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.
- + Việc đảm bảo hệ số công suất trung bình của lưới điện trong khu vực phù hợp với yêu cầu của cơ quan quản lý hệ thống điện và việc cung cấp điện cho các hộ tiêu thụ quan trọng sẽ được giải quyết tại từng trạm biến áp trong giai đoạn thiết kế sau.
- * Lưới điện hạ thế: Lưới điện hạ thế có cấp điện áp 380/220V và đi kèm với thiết kế chi tiết hệ thống điện của các khu đất nên không được thể hiện trong phân quy hoạch này.
- * Chiếu sáng giao thông khu công nghiệp
- + Bố trí cột đèn chiếu sáng: Thiết kế hệ thống cấp điện chiếu sáng sử dụng cột đèn cao 11m dùng đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời, khoảng cách trung bình giữa các cột đèn là 30m.
- + Bố trí đèn chiếu sáng: Bố trí lắp đặt các đèn chiếu sáng 100W trên các cột đèn chiếu sáng xây dựng mới dùng đèn năng lượng mặt trời.
- + Móng cột đèn 10m: Chiều sâu khối bê tông móng: $H=1,2m$; chiều rộng khối bê tông móng 1m. Bê tông cốt thép đổ tại chỗ mác 200; Khung móng cột đèn dùng khung móng $M24 \times 240 \times 240 \times 675$ là loại khung móng vuông có khoảng cách giữa các bu lông móng 300×300 phù hợp với lỗ chân cột đèn, có làm ren để lắp ê-cu bắt chân cột.

h) Quy hoạch thông tin liên lạc

- Hệ thống đường cáp thông tin trong khu vực được thiết kế đi ngầm trong hệ thống ống nhựa chịu lực PVC.
- Nhu cầu thông tin liên lạc: 30 máy.
- Nguồn được lấy từ trung tâm Bưu điện thị trấn Na Dương.

10. Đánh giá tác động môi trường

- Đánh giá hiện trạng môi trường khu quy hoạch: Chất lượng không khí, tiếng ồn và rung chấn, khí thải công nghiệp, môi trường đất, nước, cây xanh, hiện trạng hệ thống xử lý nước thải của nhà máy...
- Đánh giá tác động của nhà máy và biện pháp giảm thiểu: đánh giá trong quá trình xây dựng và quá trình vận hành.

11. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch

Tuân thủ các quy định về quản lý xây dựng theo đúng với đồ án “Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Na Dương 2, huyện Lộc Bình” được Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình phê duyệt.

(Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (Liên danh Công ty cổ phần HT Việt Trung và Công ty cổ phần thép Việt Úc) phối hợp với UBND xã Đông Quan, UBND thị trấn Na Dương tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch; quản lý hồ sơ, tài liệu và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan, sử dụng đất, xây dựng hệ thống công trình hạ tầng và không gian xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Thực hiện lập hồ sơ cắm mốc và triển khai cắm mốc ngoài thực địa theo đồ án quy hoạch chi tiết và quản lý theo Quy định quản lý đồ án quy hoạch được duyệt.

2. Các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Nông nghiệp và Môi trường cập nhật các nội dung, phạm vi ranh giới đồ án quy hoạch đã được duyệt vào các đồ án quy hoạch có liên quan.

3. Văn phòng HĐND và UBND phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cập nhật Quy hoạch trên Trang thông tin điện tử của huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND thị trấn Na Dương; Chủ tịch UBND xã Đông Quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (B/c);
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- PCVP HĐND và UBND huyện;
- Công ty CP HT Việt Trung;
- Công ty CP Việt Úc;
- UBND thị trấn Na Dương;
- UBND xã Đông Quan;
- Lưu: VT, HS, KTHT&ĐT_(LVT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hùng Cường

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính, bổ sung Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND huyện Lộc Bình phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết dự án Cụm công nghiệp Na Dương 2, huyện Lộc Bình, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000; Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 14/04/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND huyện

Lộc Bình về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết dự án Cụm công nghiệp Na Dương 2, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Lộc Bình tại Tờ trình số 112/TTr-KTHTĐT ngày 23/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định chính, bổ sung Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết dự án Cụm công nghiệp Na Dương 2, huyện Lộc Bình, tỷ lệ 1/500, cụ thể như sau:

1. Tại mục 5, Điều 1 của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

a) Đã ban hành:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Tổng diện tích toàn khu	ha	9,8755
II	Quy mô dân số và lao động	người	263
III	Chỉ tiêu sử dụng đất		
	- Khu làm việc	m ² /người	2 ÷ 8
	- Khu kỹ thuật	%	1,0 ÷ 2,0
	- Đất cây xanh	%	≥ 10
	- Đất năng lượng	%	≥ 50
	- Đất giao thông	%	≥ 15
IV	Tầng cao tối đa		
	- Khu làm việc	tầng	1÷3
	- Khu nhà máy	tầng	1÷2
V	Mật độ xây dựng		
	- Khu làm việc	%	60
	- Đất cây xanh	%	0÷25
VI	Hạ tầng kỹ thuật		
	- Cấp nước:		
	+ Nước sinh hoạt:	lít/người.ngày	150÷180
	+ Nước công trình công cộng	lít/m ² sàn.ngày	≥2
	+ Nước tưới cây	lít/m ² .ngày	3
	+ Nước rửa đường	lít/m ² .ngày	0,5
	- Cấp điện sinh hoạt:		
	- Cấp điện công trình công cộng	W/m ² sàn	30

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
	+ Phụ tải chiếu sáng	KW/km ²	15
	- Thoát nước thải (bằng tiêu chuẩn cấp nước khả năng thu gom 80%)		
	+ Sinh hoạt:	lít/người.ngày	150÷180
	+ Dịch vụ công cộng:	lít/m ² sàn.ngày	≥2
	- Chất thải rắn		
	+ CTR sinh hoạt	kg/người.ngày	1
	+ CTR công cộng	% (CTR sinh hoạt)	20
	Thông tin liên lạc		
	Đất hỗn hợp	01 thuê bao/m ² sàn	80
	- Chỉ tiêu giao thông:		
	+ Chiều rộng 1 làn xe	mét/làn	3,5 ÷ 3,75
	+ Tỷ lệ đất giao thông	%	≥15

b) Nay định chính thành:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Tổng diện tích toàn khu	ha	45,67
II	Quy mô dân số và lao động	người	4.500
III	Chỉ tiêu sử dụng đất		
	- Khu kỹ thuật	%	1,0
	- Đất cây xanh	%	≥ 10
	- Đất giao thông	%	≥ 10
IV	Tầng cao tối đa		
	- Khu đất hành chính dịch vụ	tầng	4÷5
	- Khu nhà máy	tầng	1÷5
V	Mật độ xây dựng		
	- Khu đất hành chính dịch vụ	%	60
	- Đất nhà xưởng	%	70
VI	Hạ tầng kỹ thuật		
	- Cấp nước:		
	+ Nước sinh hoạt:	% chỉ tiêu nước cấp	100
	+ Nước tưới cây	lít/m ² .ngày	3
	+ Nước thải sản xuất	% chỉ tiêu nước cấp	100
	- Cấp điện		
	+ Công trình nhà xưởng	kW/ha	≥ 140
	+ Công trình thương mại, dịch vụ	W/m ² sàn	≥ 30
	+ Đường phố	W/m ²	≥ 1,0

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
	+ Cây xanh	W/m ²	≥ 0,5
	- Chất thải rắn		
	+ CTR sinh hoạt	kg/người.ngày	0,8
	+ Rác thải công nghiệp	tấn /ha/ngày đêm	≥ 0,3
	Thông tin liên lạc		
	+ Công trình nhà xưởng	TB/ha	≥ 2
	+ Công trình thương mại, dịch vụ	TB/ha	≥ 5
	- Chỉ tiêu giao thông:		
	+ Chiều rộng 1 làn xe	mét/làn	3,5 ÷ 3,75
	+ Tỷ lệ đất giao thông	%	≥10

2. Tại mục 6, Điều 1 của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

Bảng các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

a) Đã ban hành: Đất hạ tầng kỹ thuật: 3,0%

b) Nay đính chính thành: Đất hạ tầng kỹ thuật: 2,54%

(Có Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất sau đính chính kèm theo)

3. Tại điểm c, mục 9, Điều 1 của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

a) Đã ban hành: Cao độ san nền cao nhất khoảng +289,30m; cao độ thấp nhất khoảng +288,00m.

b) Nay đính chính thành: Cao độ cao nhất khoảng +293,40m; cao độ thấp nhất khoảng +290,0m.

Nội dung đính chính đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung đã được phê duyệt.

4. Tại điểm e, mục 9, Điều 1 của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

a) Đã ban hành: Lưu lượng nước thải được tính bằng 100% lưu lượng dùng nước sinh hoạt và sản xuất. Q thải=1.400 m³/ngày đêm.

b) Nay điều chỉnh: Lưu lượng nước thải được tính bằng 100% lưu lượng dùng nước sinh hoạt và sản xuất. Q thải=1.500 m³/ngày đêm.

5. Tại điểm g, mục 9, Điều 1 của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.

a) Đã ban hành:

- Tuyến đường dây trên không là hệ thống bao gồm dây dẫn (dây nhôm lõi thép ACSR tiết diện 120mm²), cột bê tông ly tâm sử dụng loại cột có lực đầu cột 24kN, cột cao 18m, sử dụng móng bê tông mác 200 chôn cột, trên các cột

lắp hệ thống xà, sứ cách điện. Tất cả chi tiết xà đều được mạ kẽm nhúng nóng và được tiếp địa tại từng vị trí cột. Tại các cột đỡ sử dụng sứ đứng kiểu sứ gốm ty mạ 35kV. Tại các cột néo sử dụng sứ bát 35kV dạng sứ đơn (4 bát/chuôi), đối với các cột vượt đường sử dụng sứ bát 24kV dạng sứ kép (8 bát/chuôi). Cột điện được trồng mới dọc hướng tuyến và phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của ngành điện.

- Bố trí cột đèn chiếu sáng: Thiết kế hệ thống cấp điện chiếu sáng sử dụng cột đèn cao 11m dùng đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời, khoảng cách trung bình giữa các cột đèn là 30m.

b) Nay đỉnh chính thành: Cột điện li tâm, cấp điện sử dụng chủng loại phù hợp theo công suất tính toán và theo quy định của ngành điện. Chiều cao cột đèn chiếu sáng phù hợp với các tiêu chuẩn chiếu sáng. Cột vượt đường sử dụng xà sứ phù hợp với quy chuẩn, quy định của ngành điện.

Các nội dung khác của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND huyện Lộc Bình không thay đổi.

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình không thay đổi.

Quyết định này là một phần không thể tách rời Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND: thị trấn Na Dương, xã Đông Quan và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (B/c);
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- PCVP HĐND và UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện (đăng tải QĐ);
- PCVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHĐTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hùng Cường

Bảng các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất sau định chính
(Kèm theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND huyện Lộc Bình)

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ MÁY		340.217			74,49
1	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.1	100.984	1-5	3,50	
2	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.2	102.300	1-5	3,50	
3	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.3	63.607	1-5	3,50	
4	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.4	16.202	1-5	3,50	
5	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.5	25.358	1-5	3,50	
6	Đất xây dựng nhà xưởng	CN.6	31.766	1-5	3,50	
II	ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC	CX	47.355			10,37
1	Đất cây xanh		46.523			10,19
2	Mặt nước		832			0,18
III	ĐẤT HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ	HCDV	2.604	4-5	3,00	0,57
IV	ĐẤT HTKT	HTKT	11.614	1-2		2,54
V	ĐẤT GIAO THÔNG		54.940			12,03
1	Đất bãi đỗ xe tĩnh	P	2.206	-		
2	Đất đường giao thông		52.734			12
VI	TỔNG		456.730			100

Số: 33 /NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023;
Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng
đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XVII,
KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy
định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4
năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn
thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và
lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12
tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật
việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 139 /TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự
án phải thu hồi đất năm 2023; Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất
rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn
tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, cụ thể:

1. Điều chỉnh Danh mục các dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua có thay đổi về tên dự án, quy mô, loại đất thu hồi đối với 36

dự án, tổng diện tích đất 4.796.840,1 m².

(Chi tiết tại Phụ lục I-01 kèm theo Nghị quyết này).

2. Bổ sung Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đối với 36 dự án, tổng diện tích đất 593.419,6 m².

(Chi tiết tại Phụ lục I-02 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, cụ thể:

1. Điều chỉnh Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua có thay đổi về tên dự án, quy mô, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đối với 26 dự án, tổng diện tích đất 4.304.102,8 m², trong đó: 659.312,9 m² đất trồng lúa, 15,0 m² đất rừng phòng hộ và không có dự án sử dụng đất rừng đặc dụng.

(Chi tiết tại Phụ lục II -01 kèm theo Nghị quyết này).

2. Bổ sung Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đối với 32 dự án, tổng diện tích đất 910.990,7 m², trong đó: 156.824,8 m² đất trồng lúa và không có dự án sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

(Chi tiết tại Phụ lục II -02 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hệ thống bảng biểu giữa Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 14 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Đoàn Thị Hậu

ĐIỀU CHỈNH DAN MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN



(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: m²

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Lý do điều chỉnh
I	Huyện Bình Gia: 03 dự án					
1	Trạm y tế xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Bình Gia về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án 9: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bình Gia	1.153,4	DGT (80); ONT (1.017,0); CLN (56,4)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia	Thị trấn Bình Gia, xã Hồng Phong	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 của HĐND tỉnh Lạng Sơn về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia	210.100,0	LUA (67.519,4); HNK(31.535,2); CLN (17.582,4); RSX (55.849,1); NTS (8.510,5); NTD (184,6); TIN (1.113,4); DVH (279,5); TSC (70,1); DGD (22,5) SON (92,2); ODT(11.779,1); DGT (8.000,4); DTL (970,6); CSD (6.591)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 và Nghị Quyết 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
3	Đường dây và TBA 110kV Bình Gia	Các xã: Tân Văn, Hoàng Văn Thụ và thị trấn Bình Gia	Quyết định số 714/QĐ-BCT ngày 03/3/2020 của Bộ Công thương về phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng tiểu dự án Đường dây và trạm biến áp 110kV Bình Gia, thuộc dự án lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (Dự án thành phần 1, giai đoạn 2).	20.200,0	LUC(2.070); HNK(1.000); CLN(1.600); RSX(15.000); NTS (30); ODT (500)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh
II	Huyện Văn Quan: 05 dự án					
1	Khu dân cư chợ Bãi, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	Xã Yên Phúc	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Văn Quan về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư chợ Bãi, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan	49.200,0	LUA(1.000); HNK(32.984); CLN(7.735); ONT(1.770); NTS(100); NTD(260); DGT(5.151); CSD(200)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
2	Khu dân cư phố Diềm He, xã Diềm He, huyện Văn Quan	Xã Diềm He	Quyết định số 3412/NQ-HĐND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Văn Quan về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư phố Diềm He, xã Diềm He, huyện Văn Quan	28.400,0	LUA(10.000); HNK(7.050); CLN(2.350); ONT(550); RSX(6.200); NTD(50); DGT(2.200)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Lý do điều chỉnh
3	Hạng mục đường Tân Đoàn - Trảng Các - Đồng Giáp, huyện Văn Quan dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phụ vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1-Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn	các xã: Tân Đoàn, Trảng Các, Đồng Giáp	Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1 - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn	182.125,0	LUA (5.960); HNK (40.945); ONT (3.215); CLN(18.600); NTS(915); RSX (103.310); CSD(8.945); DTL (235)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
4	Xây dựng Chợ xã Khánh Khê, huyện Văn Quan	Xã Khánh Khê	Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Xây dựng Chợ xã Khánh Khê, huyện Văn Quan	15.000,0	LUA (12.800); ONT(1.000); HNK(1.000); CLN(200)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 18/9/2020 của HĐND tỉnh
5	Mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ huyện Văn Quan	thị trấn Văn Quan	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND huyện Văn Quan về việc thông qua phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	46.000,0	LUA (9.800); HNK(10.000), RSX (22.850); DGT(50); ONT(1.750); CSD(50); CLN(1.500)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh
III	Huyện Hữu Lũng: 01 dự án					
1	Khu dân cư Hồ Sơn 3, huyện Hữu Lũng	Xã Hồ Sơn	Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Hồ Sơn 3, huyện Hữu Lũng	400.000,0	LUK(92.378,8); HNK(97.395); CLN(170.082,1); ONT(19.796,3); DTL(1.268); SON(1.498); DGT(17.581,8)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
IV	Huyện Chi Lăng: 04 dự án					
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Chi Lăng, Bình Gia, Bắc Sơn theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	Thị trấn Đồng Mô	Quyết định số 782/QĐ-EVN-NPC ngày 13/4/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD bổ sung năm 2023	550,0	LUA (120,0); HNK (60,0); CLN (66,0); RSX (20,0); ODT (170,0); ONT (60); DGT (30,0); DCS (24,0)	Điều chỉnh tên dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022.
2	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Chi Lăng, Nhân Lý, Chiến Thắng, Thượng Cường, Vân Thủy huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Các xã: Chi Lăng, Nhân Lý, Chiến Thắng, Thượng Cường, Vân Thủy	Công văn số 1108/PCLS-QLDA+KT ngày 29/5/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn đăng ký danh mục lưới điện hạ áp nông thôn (2024)	280,0	LUA (36,0); HNK (50,0); CLN (50,0); RSX (10,0); ONT (74,0); DGT (30,0); DCS (30,0)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022.
3	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Chi Lăng - Trảng Định năm 2024	Thị trấn Đồng Mô, thị trấn Chi Lăng	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	500,0	LUA (72,0); HNK (50,0); CLN (50,0); RSX (10,0); ODT (150,0); ONT (108,0); DGT (30,0); DCS (30,0)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022.

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Lý do điều chỉnh
4	Cải tạo đường trục 35kV lộ 377E13.1 nâng cao hiệu quả mạch vòng Chi Lăng - Hữu Lũng năm 2024	Thị trấn Đồng Mỏ, thị trấn Chi Lăng	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	400,0	LUA (162,0); HNK (50,0); CLN (60,0); RSX (18,0); ODT (50,0); DGT (30,0); DCS (30,0)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022.
V	Thành phố Lạng Sơn: 06 dự án					
1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18)	Xã Mai Pha	Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ4B (đoạn Km3+700 đến Km18), tỉnh Lạng Sơn	18.929,4	LUA (9.494,4); HNK (3.511,7); SON (5.884); BCS (39,3)	Điều chỉnh quy mô dự án và cần thu hồi đất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng các tuyến đường đối ngoại giáp nhà ở xã hội 2 và Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư liền kề	Phường Đông Kinh, Xã Mai Pha	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn về phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng các tuyến đường đối ngoại giáp nhà ở xã hội 2 và Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư liền kề	18.155,3	LUA (7.904,8); BHK (2.946,9); NTS 1.160,2); ONT (4.775,1); TSC (51,5); DGT (1.048,8); DTL (88,3); CSD (179,7)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi đất so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh
3	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Lạng Sơn (mở rộng)	Xã Mai Pha	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh Lạng Sơn	831,1	BHK (408,5); ONT (422,6)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi đất so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh
4	Khu tái định cư, dân cư Nam Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Lạng Sơn: Tổng quy mô dự án 197.624,3m2, gồm: Khu BT: Khu phía Đông đường Bà Triệu (quy mô 94.651,2 m2) và Khu đối ứng: Khu phía Tây đường Bà Triệu (quy mô 102.973,1 m2)	Phường Đông Kinh	Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khu tái định cư, dân cư Nam Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Lạng Sơn	94.651,2	LUA (25.053,8); HNK (52.524); DTL (95,3); ODT (733,8); DGT (2.353); NTD (66,6); TIN (1414,9); BCS (12.409,8)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi đất so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh:
				102.973,1	HNK (85.171,9); NTS (1.710,3); ODT (3.416,9); DGT (3.535,8); DTL (585,4); BCS (8.552,8)	
5	Nhà văn hóa thôn Chi Mạc + sân thể thao	X. Hoàng Đồng	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của HĐND xã Hoàng Đồng về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 xã Hoàng Đồng	311,6	HNK (121,4); DGT (71,2); TIN (119)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
6	Nhà văn hóa thôn Hoàng Thanh + sân thể thao	X. Hoàng Đồng		285,8	ONT (285,8)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
VI	Huyện Cao Lộc: 07 dự án					

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Lý do điều chỉnh
1	Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc (Hạng mục ga Đồng Đăng)	Thị trấn Đồng Đăng	Quyết định số 1751/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc	38.000,0	HNK(198,6); CLN(1.387,6); ODT(754,9); DGT(35.523,9); SON(135,0)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh
2	Khu tái định cư và dân cư Khu chế xuất 1 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Xã Hồng Phong	Quyết định 623/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện Cao Lộc về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án	49.000,0	LUA(14.652,1); HNK(20.694,4); CLN(3.576,9); RSX(2.778,9); ONT(1.189,8); TSN(52,2); SON(6.055,7)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
3	Đường Pò Nghiều - Phú Xá - Hồng Phong (ĐH.26), huyện Cao Lộc	Xã Hồng Phong	Quyết định số 2483/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt báo cáo KT-KT xây dựng công trình ĐH.26	4.000,0	LUC(841,0); HNK(454,0); CLN(171,0); ONT(612,0); SKC(904,1); DGT(1.017,9)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
4	Cây TBA CQT lưới điện, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Cao Lộc, thành phố Lạng Sơn năm 2021	Xã Hợp Thành, xã Gia Cát, xã Tân Liên	Quyết định số 1111/QĐ-PCLS ngày 06/10/2021 của Công ty Điện lực Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo KT-KT Đầu tư xây dựng công trình	400,0	LUC(100,0); HNK(100,0); CLN(150,0); RST(36,0); ONT(14,0)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
5	Đường vào trung tâm xã Xuân Long - Trảng Cắc, huyện Cao Lộc huyện Văn Quan	Xã Xuân Long	Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn	108.166,0	LUA(12.769,0); HNK(16.830,0); CLN(25.500,0); RSX(17.116,0); DTL(11,0); NTS(732,0); ONT(4.025,0); DGT(20.793,0); SON(6.987,0); TIN(75,0); TSN(69,0); CSD(3.259,0)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
6	Kết nối mạch vòng giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Trảng Định, Văn Quan năm 2022	Các xã, thị trấn	Quyết định số 2122/QĐ-EVNNPC ngày 26/08/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2022 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn.	450,0	LUC(120,0); HNK(100,0); CLN(100,0); RSX(115,0); RPH(15,0)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
7	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Lạng Sơn - Đồng Đăng (mạch 2)	Các xã: Phú Xá, Hồng Phong	Quyết định 2565/QĐ-EVNNPC ngày 07/10/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng dự án	2.087,8	BHK(469,4); RSX(1.305,2); CLN(265,7); DNL(47,5)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
VII	Huyện Lộc Bình: 05 dự án					

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Lý do điều chỉnh
1	Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Các xã: Khánh Xuân, Đồng Bực, Hữu Khánh, Tú Đoạn, Đồng Quan, Lợi Bắc và thị trấn Na Dương	Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B	633.200,0	LUC (71.749); LUK (50.993); HNK (75.774); CLN (31.813); RSX (247.287); NTS (7.520); NKH (2.176); ONT (19.333); DGD (407); DGT (101.382); DTL (3.115); NTD (434); SON (10.186); CSD (11.031)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
2	Cụm công nghiệp Na Dương 1	Xã Đông Quan	Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Na Dương thành các Cụm công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	167.500,0	LUC (23.500); LUK (6.400); HNK (18.900); CLN (13.600); RSX (97.900); NTS (2.000); ONT (600); CSD (2.400); DGT (2.200)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
3	Cụm công nghiệp Na Dương 2	Xã Đông Quan		500.000,0	LUC (28.000); LUK (68.000); HNK (50.000); CLN (32.000); RSX (262.000); NTS (8.000); ONT (3.000); CSK (4.000); CSD (14.000); DGT (31.000)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
4	Cụm công nghiệp Na Dương 3	Xã Đông Quan		500.000,0	HNK (46.900); CLN (27.300); DGT (19.000); LUC (40.100); LUK (15.500); NTS (5.900); ONT (4.300); RSX (330.900); CSD (10.000)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
5	Cải tạo, sửa chữa đường Khuổi Khin - Bàn Chắt (ĐT 237) đoạn từ Km14+320 - Km32	Các xã: Khuất Xá, Tĩnh Bắc, Tam Gia	Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa đường Khuổi Khin - Bàn Chắt (ĐT 237) đoạn từ Km14+320 - Km32	167.100,0	DGT (150.800); HNK (4.500); RSX (11.800)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
VIII	Huyện Đình Lập: 05 dự án					
	Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Các xã: Đình Lập, Cường Lợi, Châu Sơn, Bắc Lãng và thị trấn Đình Lập	Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ	901.000,0	LUC (11.500); LUK (57.500); BHK (61.300); CLN (26.800); RSX (171.600); NTS (800); ONT (33.900); ODT (4.900); TSC (100); SKC (1.300); TMD (1.600); DVH (100); DYT (100); DGD (800); DGT (417.500); DTL (3.900); DBV (100); SON (26.200); DCS (81.000)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Lý do điều chỉnh
1	Đất bãi đỗ thải Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Các xã: Đình Lập, Cường Lợi, Châu Sơn, Bắc Lãng	giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B	256.100,0	LUK (4.900); BHK (24.400); CLN (2.000); RSX 164.700); ONT (800); DGT (3,100); SON (11.300); CSD (44.900)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
	Khu Tái định cư Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Xã Đình Lập		21.000,0	LUK (12.600); BHK (1.100); NHK (100); CLN (2.900); RSX (500); NTS (300); ONT (2.000); DGT (900); NTD (200); SON (100); DCS (300)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
2	Công trình Hỗ trợ hạng mục mặt bằng Trường THCS thị trấn Nông Trường Thái Bình	Thị trấn Nông trường Thái Bình	Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Hỗ trợ hạng mục mặt bằng Trường THCS thị trấn Nông Trường Thái Bình	2.946,3	NKH (2.496,3); TSN (409);	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
3	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Xã Bắc Lãng	Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	255.664,1	LUK (19.963,4); BHK (9.110,5); HNK (2.286,3); CLN (5.017,6); DGD (417,1); DNL (66,0); DTL (98,8); NTS (231,6); NKH (122,8); ONT (3.812); RSX (195.255,7); NTD (3.472,7); SON (10.707,6); CSD (5.102)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
4	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Minh Hiệp, Sần Viên, huyện Lộc Bình, xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Xã Thái Bình	Công văn 1108/PCLS-QLDA+KT ngày 29/5/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn đăng ký danh mục lưới điện hạ áp nông thôn (2024)	100,0	LUA (40); HNK (20); CLN (10); RSX (20); ONT (10)	Điều chỉnh tên, địa điểm, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
5	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Lộc Bình, Văn Quan năm 2024	Xã Châu Sơn	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	80,0	LUA (20); HNK (20); CLN (20); ONT (20)	Điều chỉnh tên, địa điểm, quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
Tổng số: 36 dự án				4.796.840,1		

Số: 77/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2025; Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025; điều chỉnh Danh mục các dự án phải thu hồi đất, Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI MỐT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022; số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 273 /TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2025; Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025; điều chỉnh Danh mục các dự án phải thu hồi đất, Danh mục các dự án chuyển mục

đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2025; điều chỉnh Danh mục các dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2025 với tổng số 155 dự án, tổng diện tích đất 3.598.636,3 m² (359,86 ha).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

2. Điều chỉnh Danh mục dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua có thay đổi về tên dự án, quy mô, loại đất thu hồi đối với tổng số 85 dự án, tổng diện tích đất 5.224.683,8 m² (522,47 ha).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025; điều chỉnh Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất năm 2025 đối với tổng số 203 dự án, tổng diện tích đất 5.779.171,6 m² (577,92 ha), trong đó: 534.580,3 m² (53,46 ha) đất trồng lúa; 1.000,0 m² (0,1 ha) đất rừng phòng hộ; 2.803.939,4 m² (280,39 ha) đất rừng sản xuất và không có dự án sử dụng đất rừng đặc dụng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này).

2. Điều chỉnh Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua có thay đổi về tên dự án, quy mô, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổng số 143 dự án, tổng diện tích đất 9.747.093,6 m² (974,71 ha), trong đó: 1.373.746,9 m² (137,37 ha) đất trồng lúa; 118.030,0 m² (11,8 ha) đất rừng phòng hộ; 4.076.522,1 m² (407,65 ha) đất rừng sản xuất và không có dự án sử dụng đất rừng đặc dụng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tính chính xác về thông tin, số liệu diện tích đất tại Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ ba mươi một thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Đoàn Thị Hậu

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 77 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Tên huyện, thành phố	Dự án phải thu hồi đất	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng cộng	155	3.598.636,3	
1	Bắc Sơn	4	9.240,0	
2	Bình Gia	7	10.810,0	
3	Văn Quan	13	118.566,0	
4	Hữu Lũng	20	192.297,7	
5	Chi Lăng	42	820.757,4	
6	Thành phố Lạng Sơn	8	51.107,0	
7	Cao Lộc	14	1.651.815,3	
8	Văn Lãng	4	203.400,0	
9	Tràng Định	19	275.232,1	
10	Lộc Bình	9	123.540,8	
11	Đình Lập	15	141.870,0	

Phụ lục IV



ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

(Kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 77 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Loại đất				Nội dung điều chỉnh	Ghi chú
					Trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Rừng đặc dụng (RDD)	Rừng sản xuất (RSX)		
I	Huyện Bắc Sơn: 05 dự án									
1	Cây các TBA CQT lưới điện và giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn năm 2025	Các xã: Chiêu Vũ, Hưng Vũ	Quyết định số 314/QĐ-PCLS ngày 20/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt phương án đầu tư công trình	820,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
2	Xuất tuyến trung áp 35kV lộ 373 sau trạm biến áp 110kV Bình Gia	Thị trấn Bắc Sơn, xã Long Đồng, xã Đồng Ý	Quyết định số 957/QĐ-PCLS ngày 09/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình	500,0	120,0			100,0	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với việc đích so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
3	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Chi Lăng, Bình Gia, Bắc Sơn theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	Xã Tân Tri, Vạn Thủy	Quyết định số 560/QĐ-PCLS ngày 29/6/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình	210,0	40,0			50,0	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với việc đích so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
4	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Trấn Yên, Tân Thành huyện Bắc Sơn; xã Quang Trung, Thiện Thuật, Hồng Thái, Bình La, Mông Ân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Các xã: Trấn Yên, Tân Thành	Quyết định số 1235/QĐ-PCLS ngày 17/11/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình	320,0	120,0				Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	

5	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Bình Gia, Bắc Sơn năm 2024	Các xã: Vũ Sơn, Chiến Thắng, Tân Lập	Quyết định số 853/QĐ-PCLS ngày 13/9/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình	550,0	120,0			100,0	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
II Huyện Bình Gia: 03 dự án										
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Bình Gia, Văn Lãng, Trảng Định theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2025	Các xã: Hồng Thái, Bình La	Quyết định số 1123/QĐ-PCLS ngày 30/10/2024 của Công ty điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt phương án đầu tư xây dựng tên danh mục: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Bình Gia, Văn Lãng, Trảng Định theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2025	660,0	140,0			50,0	Điều chỉnh tên dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh	
2	LS-01-ĐR1: Cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Tân Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	xã Hòa Bình, xã Tân Hòa, huyện Bình Gia	Quyết định số 576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh"	81.500,0	2.400,0			72.300,0	Điều chỉnh tên dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn năm 2025	Các xã: Hoàng Văn Thụ, Hồng Thái, TT Bình Gia	Quyết định số 1239/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty điện lực Miền bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2025 cho công ty Điện lực Lạng Sơn	520,0	50,0			200,0	Điều chỉnh tên dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh	
III Huyện Văn Quan: 15 dự án										
1	Khu dân cư phố Đức Tâm II, thị trấn Văn Quan	thị trấn Văn Quan	Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 10/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư phố Đức Tâm II, thị trấn Văn Quan	100.886,0	10.310,0			52.556,0	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
2	Dự án TDA LS-04-ĐR1: Đập Phai Lỳ, xã Liên Hội; Trạm bơm Nà Súng, xã Diêm He huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Các xã: Liên Hội, Diêm He	'Quyết định số 576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử	34.900,0	20.600,0			8.300,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

3	Dự án TDA LS-05-ĐR1: Đập Cồn Mạn, xã Trảng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	Xã Trảng Phái	dụng vốn vay Nhật Bản; Công văn số 204/UBND-VP ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc triển khai tiếp các bước của Dự án "Phát triển CSHT thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn	23.100,0	14.400,0			7.700,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
4	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1 - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn	Các xã: Tân Đoàn, Trảng Các, Đồng Giáp	Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1 - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn	182.125,0	5.960,0			103.310,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
5	Đường BTXM Nà Bung - Phú Nhuận, xã Diềm He	Xã Diềm He	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Văn Quan về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2023	12.800,0	800,0			7.000,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
6	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Tri Lễ, Liên Hội, Diềm He huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Các xã: Tri Lễ, Liên Hội, Diềm He	Quyết định số 2392/QĐ-EVNNPC ngày 16/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD bổ sung năm 2023	500,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
7	Cây TBA CQT giám bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Lộc Bình, Văn Quan năm 2024	Các xã: Xã Tri Lễ; Đồng Giáp; Diềm He; An Sơn; Tân Đoàn, Lương Năng; Yên Phúc; Trảng Các	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	400,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
8	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Bình Gia, Văn Quan, Văn Lãng, Trảng Định theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2024	Xã Tú Xuyên	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	400,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

9	Cải tạo nâng cấp lộ 971,973 trung gian Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn; Lộ 973 trung gian Văn Quan, huyện Văn Quan vận hành cấp điện áp 35kV	Các xã, thị trấn	Quyết định số 2461/QĐ-EVNNPC ngày 21/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023	600,0	180,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
10	Nâng cấp lộ 971, 973 trung gian Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn; lộ 973 trung gian Văn Quan, huyện Văn Quan vận hành cấp điện áp 35kV	Các xã Khánh Khê, Diêm He, An Sơn, TT Văn Quan, Bình Phúc	Quyết định số 2461/QĐ-EVNNPC ngày 21/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023	900,0	200,0			200,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
11	Cây TBA CQT giám bán kính, giám tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Quan năm 2024	Các xã Diêm He, An Sơn, Bình Phúc, Lương Năng, Trảng Các, Đồng Giáp, Hòa Bình	Công văn số 2256/PCLS-QLDA+KT+TTBVPC ngày 16/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký KHSĐ đất công trình năng lượng năm 2024; Văn bản số 2937/SKHĐT-QLĐTNN ngày 09/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn về việc lấy ý kiến thẩm định về đề xuất dự án Cây TBA CQT giám bán kính, giám tổn thất điện năng năm 2024 tỉnh Lạng Sơn	1.500,0	300,0			600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
12	Cây TBA CQT giám bán kính, giám tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Quan năm 2024	Các xã Diêm He, TT Văn Quan, Tân Đoàn, Yên Phúc, Bình Phúc, Trảng Các	Công văn số 2256/PCLS-QLDA+KT+TTBVPC ngày 16/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký KHSĐ đất công trình năng lượng năm 2024	1.600,0	300,0			600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
13	Mở mới đường Khun Lầu - Đoàn Kết, xã An Sơn, huyện Văn Quan	Xã An Sơn	Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 04/10/2021 của UBND huyện Văn Quan dự kiến danh mục kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	13.415,0	300,0			12.815,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	
14	Xây dựng cầu + đường bê tông xi măng Tân Thanh 2 - Thanh Xuân, thị trấn Văn Quan	Thị trấn Văn Quan	Công văn số 5137/LĐTBXH-VPQGGN ngày 14/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc lựa chọn dự án thực hiện Kế hoạch hỗ trợ huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn năm 2022 - 2025.	14.265,0	200,0			7.400,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	

15	Khu dân cư phố Diêm He, xã Diêm He, huyện Văn Quan	Xã Diêm He	Quyết định số 3412/NQ-HĐND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư phố Diêm He, xã Diêm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	28.350,0	10.000,0			6.200,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV Huyện Hữu Lũng: 33 dự án										
1	Cải tạo đường dây 110kV Bắc giang - Lạng Sơn	Xã Minh Hòa, Hồ Sơn, Tân thành, Cai Kinh, Hòa Lạc	Quyết định 299/QĐ-EVNNPC ngày 15/2/2022 Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn	10.322,0	464,0			4.776,0	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	
2	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	Xã Tân Thành	Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình	153.900,0	15.300,0			53.800,0	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
3	Bệnh viện đa khoa Hữu Lũng	Xã Đồng Tân	Công văn số 49/UBND-KT ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc chấp thuận nhận chuyển nhượng QSD đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp	34.900,0	5.707,9			26.017,6	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng nhà máy nước Lawaco	Xã Hồ Sơn	QĐ số 675/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Xây dựng nhà máy nước Lawaco	30.000,0	7.000,0				Điều chỉnh tên dự án so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
5	Dự án khu đô thị mới Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Xã Sơn Hà	Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 và Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	523.000,0	139.700,0			8.600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh	
6	Cụm công nghiệp Hòa Sơn I	Xã Hòa Sơn	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	749.000,0	51.039,7			358.809,6	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	

7	Cụm công nghiệp Hồ Sơn 1	Xã Hồ Sơn, Cai Kinh	Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	737.600,0	66.147,5			526.797,2	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
8	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện ĐH93 đoạn từ đường ĐH91 đến UBND xã Thiện Tân.	Xã Thiện Tân	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 18/7/2023 của HĐND huyện Hữu Lũng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025	3.000,0	600,0			600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
9	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện ĐH91 đoạn từ Km7+392 đến Km13+300	Xã Thiện Tân, Yên Bình	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 18/7/2023 của HĐND huyện Hữu Lũng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025	14.700,0	2.800,0			1.100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
10	Dự án Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn	Các xã: Minh Hòa, Hồ Sơn, Tân Thành, Cai Kinh, Hòa Lạc	Công văn số 229/BDADL-DDHDA2 ngày 09/02/2023 của Ban Quản lý dự án phát triển điện lực Miền Bắc	10.597,8	463,4			5.353,5	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	
11	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Hữu Lũng năm 2024	Các xã: Hồ Sơn; Hòa Thắng; Cai Kinh; Tân Thành; Minh Sơn; Minh Hòa; Yên Vượng; Đồng Tân; Sơn Hà	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	840,0	500,0			10,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
12	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Hữu Lũng năm 2023	Các xã: Hòa Thắng, Cai Kinh, Tân Thành, Sơn Hà, Minh Sơn, Hồ Sơn, Yên Vượng, Yên Sơn, Đồng Tân, Sơn Hà, Minh Hòa, Hòa Thắng	Quyết định số 1036/QĐ-PCLS ngày 19/12/2022 của Công ty điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình ĐTXD	680,0	300,0			50,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	

13	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV khu vực thành Phố Lạng Sơn, 35kV khu vực huyện Hữu Lũng, Cao Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2024	Các xã: Vân Nham, Minh Sơn.	Công văn số 1792/PCLS-QLDA+KT ngày 17/8/2023 về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình	340,0	120,0			10,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
14	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Hồ Sơn, Minh Sơn, Quyết Thắng, Nhật Tiến, Vân Nham, Hòa Bình huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Các xã: Hồ Sơn, Minh Sơn, Thanh Sơn, Nhật Tiến, Vân Nham, Tân Thành, Hòa Thắng, Hòa Lạc, Thiện Tân, Quyết Thắng, Yên Bình, Hòa Bình	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	480,0	280,0			10,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
15	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Yên Bình, Thanh Sơn, Hòa Lạc, Hòa Thắng, Tân Thành huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	Các xã: Yên Bình, Thanh Sơn, Hòa Lạc, Hòa Thắng, Tân Thành	Công văn số 1108/PCLS đăng ký danh mục lưới điện hạ áp nông thôn (2024)	462,0	252,0			10,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
16	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Lạng Sơn	Các xã: Vân Nham, Minh Tiến, Nhật Tiến, TT Hữu Lũng	Quyết định số 120/QĐ-PCLS ngày 15/02/2023 của Cty Điện lực Lạng Sơn duyệt Báo cáo KT-KT công trình.	550,0	150,0			50,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
17	Cải tạo nâng cấp lộ 972 trung gian 2 Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng vận hành cấp điện áp 35kV	Các xã, thị trấn	Công văn số 2144/PCLS-QLDA+KT đăng ký danh mục ĐTXD các công trình nâng cấp, cải tạo lưới 10kV	560,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
18	Cải tạo nâng cấp lộ 973, 374 trung gian 2 Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng vận hành cấp điện áp 35kV	Các xã, thị trấn	Công văn số 2144/PCLS-QLDA+KT đăng ký danh mục ĐTXD các công trình nâng cấp, cải tạo lưới 10kV	600,0	110,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
19	Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn các xã Minh Hòa, Minh Tiến, Đồ Lương, Đồng Tân huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Các xã: Minh Hòa, Minh Tiến, Đồ Lương, Đồng Tân	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	1.600,0	650,0			150,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	

20	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Hữu Lũng năm 2024	Các xã: Yên Bình, Hòa Thắng, Minh Sơn, Nhật Tiến, Đồng Tiến, Văn Nham	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	1.235,0	900,0			10,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
21	ĐZ trung áp và TBA huyện	Các xã, thị trấn	Công văn số 2149/PCLS-QLDA+TTBVPC+KT ngày 4/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn	2.000,0	300,0			300,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
22	Công trình năng lượng.	Các xã, thị trấn	Công văn số 2149/PCLS-QLDA+TTBVPC+KT ngày 4/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn	2.000,0	300,0			300,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
23	Công quá tải lưới điện.	Các xã, thị trấn	Công văn số 2149/PCLS-QLDA+TTBVPC+KT ngày 4/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn	2.000,0	300,0			300,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
24	Nâng cao chất lượng lưới điện hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực các xã Cai Kinh, Đồng Tân, Hồ Sơn, Hòa Bình, Hòa Lạc, Hữu Liên, Yên Vượng, Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng	Các xã: Cai Kinh, Đồng Tân, Hồ Sơn, Hòa Bình, Hòa Lạc, Hữu Liên, Yên Vượng, Quyết Thắng	Công văn số 260/PCLS-QLDA+KT ngày 06/02/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD các công trình nâng cao chất lượng lưới điện hạ áp, đảm bảo cấp điện năm 2024 – 2025	920,0	130,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
25	Nâng cao chất lượng lưới điện hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực các xã Thiện Tân, Văn Nham, Yên Bình, Yên Thịnh, Yên Sơn, Thanh Sơn, TT Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng	Các xã: Thiện Tân, Văn Nham, Yên Bình, Yên Thịnh, Yên Sơn, Thanh Sơn và TT Hữu Lũng	Công văn số 260/PCLS-QLDA+KT ngày 06/02/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD các công trình nâng cao chất lượng lưới điện hạ áp, đảm bảo cấp điện năm 2024 – 2025	1.400,0	400,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
26	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Chi Lăng, Hữu Lũng, Cao Lộc, thành phố Lạng Sơn năm 2025	Xã Đồng Tân và TT Hữu Lũng	Công văn số 438/PCLS-KT+QLDA ngày 08/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình lưới điện THA năm 2025	550,0	50,0			60,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
27	Trường Mầm non xã Minh Tiến	Xã Minh Tiến	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, ngày 30/8/2022 của HĐND huyện Hữu Lũng v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025	600,0				600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	

1	Cải tạo đường trục 35kV lộ 377E13.1 nâng cao hiệu quả mạch vòng Chi Lăng – Hữu Lũng năm 2025	TT. Chi Lăng, TT. Đồng Mô và các xã: Hòa Bình, Y Tịch, Chi Lăng	Đăng ký danh mục số 1555/PCLS-QLDA+KT ngày 04/8/2024 V/v đăng ký danh mục ĐTXD công trình mạch vòng, đa chia - đa nối (MDMC) năm 2025.	890,0	300,0			60,0	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, bổ sung chuyển mục đích đất trồng rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
2	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220 kV Đồng Mô, tỉnh Lạng Sơn	Thị trấn Đồng Mô	Quyết định số 2648/QĐ-EVNNPC ngày 13/10/2021 của Công ty Điện lực Miền Bắc về phê duyệt ĐTXD dự án	1.700,0	800,0				Điều chỉnh quy mô dự án và điều chỉnh diện tích đất trồng lúa so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
3	Cấy các TBA CQT lưới điện và giảm tổn thất điện năng các KV Tân Minh, Nà Dạ, Lân Bông, Bản Dù, Y Tịch, Bằng Hữu, Làng Mùn, Thần Lăng, H.Lăng, tỉnh Lạng Sơn năm 2020	Các xã: Bằng Hữu, Y Tịch, Chiến Thắng, Quan Sơn, Vân An, Vân Thủy và TT Chi Lăng.	Quyết định số 2077/QĐ-PCLS ngày 29/11/2019 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình.	1.380,0	590,0			200,0	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
4	Trường Mầm non xã Bắc Thủy	Xã Bắc Thủy	Quyết định số 4275/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND huyện Chi Lăng Về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG; vốn sự nghiệp kinh tế năm 2025 huyện Chi Lăng	5.000,0	200,0				Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích đất trồng lúa so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
VI Thành phố Lạng Sơn: 09 dự án										
1	Khu đô thị Green Garden tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn và xã Yên Trách huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (Quy mô 37,71 ha, trong đó TP Lạng Sơn có 25,48 ha)	Xã Mai Pha	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 21/4/2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2215450163 điều chỉnh lần thứ nhất ngày 18/6/2024	257.039,9	21.693,7			171.517,0	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Chi Lăng 2	Phường Chi Lăng	Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND TP. Lạng Sơn; Thông báo số 157/TB-UBND ngày 21/3/2024 của UBND TP. Lạng Sơn	10.021,5	3.685,0				Điều chỉnh quy mô dự án so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

3	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (quy mô 48,03ha, giai đoạn 2024-2027 thực hiện 29ha)	Xã Mai Pha	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 832/QĐ-BQLDA ngày 10/4/2024	290.000,0	73.887,9			109.136,2	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
4	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8, tỉnh Lạng Sơn: Hồ Bó Chuông	Xã Mai Pha	Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 13/03/2019; số 2050/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1781/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/05/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	5.920,0	316,9			2.790,9	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
5	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV khu vực Thành Phố Lạng Sơn, 35kV khu vực huyện Hữu Lũng, Cao Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2024	Phường Tam Thanh, Xã Hoàng Đồng	Quyết định 1318/QĐ-PCLS ngày 24/11/2023 duyệt Báo cáo KT-KT công trình.	400,0	100,0			50,0	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
6	Khu đô thị mới Bến Bắc, thành phố Lạng Sơn	Phường Tam Thanh	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	99.513,0	10.800,0				Điều chỉnh quy mô dự án và diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
7	Công trình C thành phố Lạng Sơn (Ban CHQS thành phố)	Xã Quảng Lạc	Quyết định số 1594/QĐ-TM ngày 12/7/2021 của Bộ Tổng Tham mưu về Phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân căn cứ chiến đấu thành phố Lạng Sơn/Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn/Quân khu 1; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 21/7/2021 của UBND thành phố Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 28/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố	60.000,0	1.542,0				Điều chỉnh quy mô dự án và diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
8	Khu dân cư mới xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn (quy mô 14,45ha)	Xã Quảng Lạc	Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Lạng Sơn phê duyệt QHCT xây dựng	144.522,09	64.821,3			352,3	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	

9	Bãi đỗ xe buýt xã Mai Pha	Xã Mai Pha	Thông báo số 75/TB-UBND ngày 20/06/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh; Giấy phép quy hoạch số 07/GPQH do UBND tỉnh cấp	4.788,3	3.863,3				Điều chỉnh quy mô dự án và diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	
VII Huyện Cao Lộc: 20 dự án										
1	Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	TT Đồng Đăng, Xã Bảo Lâm	Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc; Quyết định 865/QĐ-TTg ngày 17/8/2024 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119 - 1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2 - 1089 thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc)	170.727,2	6.168,8			123.977,8	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/05/2024 của HĐND tỉnh	
2	Cải tạo đường dây 110kV Bắc giang - Lạng Sơn	Xã Tân Thành	Quyết định 299/QĐ-EVNNPC ngày 15/2/2022 Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn	1.045,0	226,0			490,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
3	Bãi đỗ thải thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Xã Hợp Thành, Xã Hồng Phong, Xã Thụy Hùng, Xã Phú Xá	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Công văn số 368/2024/CV-BQLDA ngày 08/7/2024 của BQL dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	123.930,1	14.768,8			17.071,1	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	

4	Khu hành chính - Đô thị thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Thị trấn Đồng Đăng, xã Phú Xá	Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án	163.531,0	3.915,9			61.305,5	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	
5	Đầu tư hạ tầng Khu chế xuất 1 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Xã Phú Xá, xã Hồng Phong	GCN đăng ký Đầu tư số 4687288808 Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 01 năm 2018; Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 19 tháng 4 năm 2022; Chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai: Ngày 25 tháng 10 năm 2023	700.000,0	91.544,4			277.164,2	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
6	Khu đô thị Green Garden tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn và xã Yên Trách huyện Cao Lộc	Xã Yên Trách	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 03/08/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 21/04/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận nhà đầu tư	120.060,1	6.472,0			72.331,8	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của HĐND tỉnh	
7	Khu tái định cư phục vụ Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Xã Thụy Hùng, xã Hợp Thành, xã Yên Trách	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án	117.910,0	30.413,7			55.213,7	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
8	Khu tái định cư và dân cư Khu chế xuất 1 thuộc thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Xã Hồng Phong	Quyết định 623/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện Cao Lộc về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án	49.000,0	14.652,1			2.778,9	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị Quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
9	Khu dân cư khối III, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Thị trấn Cao Lộc	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	118.386,1	53.305,5			5.900,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	

10	Xuất tuyến trung áp 22kV lộ 471, 473 sau TBA 110 kV Cao Lộc	Các xã và thị trấn	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD	800,0	200,0			200,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
11	Xuất tuyến trung áp 22kV lộ 475, 477 sau TBA 110 kV Cao Lộc	Các xã và thị trấn	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD	800,0	200,0			200,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
12	Xuất tuyến trung áp 35kV lộ 377, 479 sau TBA 110 kV Cao Lộc	Các xã và thị trấn	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD	800,0	200,0			200,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
13	Nâng cao độ tin cậy cung cấp lưới điện trung áp 35kV khu kinh tế cửa khẩu Hồng Đăng-Lạng Sơn, khu công nghiệp Hồng Phong theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	Các xã, thị trấn.	Quyết định 2473/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2023	650,0	200,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc-Ba Sơn (ĐH.28), huyện Cao Lộc	Các xã: Hợp Thành, Hòa Cư, Hải Yến, Cao Lâu	Nghị Quyết 15/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	554.278,7	60.334,0			58.208,8	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
15	Đường vào trung tâm xã Xuân Long - Trảng Cáp, huyện Cao Lộc huyện Văn Quan	Xã Xuân Long	Nghị Quyết 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn	108.166,0	12.769,0			24.172,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
16	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Lạng Sơn năm 2024	Xã Hải Yến, Công Sơn	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	570,0	80,0			220,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

17	Cải tạo nâng cao năng lực mạch vòng 373 E13.8 Cao Lộc - 376E13.2 Lạng Sơn khu vực Bằng Khánh - Mẫu Sơn năm 2025	Xã Công Sơn	Quyết định 782/QĐ-EVN-NPC ngày 13/4/2023 quyết định phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023	650,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/20232 của HĐND tỉnh	
18	Nâng cao độ tin cậy cung cấp lưới điện trung áp 22kV khu vực thành phố Lạng Sơn, 35kV khu vực huyện Hữu Lũng, Cao Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2024	Xã Thụy Hùng, xã Phú Xá	Công văn 1792/PCLS-QLDA+KT ngày 17/8/2023 về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình	410,0	120,0			50,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/20232 của HĐND tỉnh	
19	Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn các xã Tân Liên, Lộc Yên, Thụy Hùng, Thạch Đạn, Gia Cát, TT Đồng Đăng, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc	Các xã: Tân Liên, Lộc Yên, Thụy Hùng, Thạch Đạn, Gia Cát, thị trấn Đồng Đăng, TT. Cao Lộc	Quyết định số 2392/QĐ-EVNNPC ngày 16/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, về việc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn	610,0	150,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/20232 của HĐND tỉnh	
20	Đường vào trung tâm xã Xuân Long - Trảng Các, huyện Cao Lộc huyện Văn Quan	Xã Xuân Long	Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Trảng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan	109.439,0	12.769,0			17.116,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị Quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
VIII Huyện Văn Lãng: 16 dự án										
1	Đầu tư xây dựng khu dân cư mới tại khu II, thị trấn Na Sầm	Thị trấn Na Sầm	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (lần thứ năm) số 7046725300 ngày 28/12/2022 của Sở KH và đầu tư	85.340,4	11.600,0			6.800,0	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh	

2	Công trình đường dây 110KV từ TBA 220KV Lạng Sơn - Đồng Đăng (Mạch 2).	Xã Tân Mỹ	Quyết định số 1258/QĐ-EVNNPC ngày 2/6/2021 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc	1.900,0	99,0			824,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
3	Khu dân cư Tân Thanh (Khu II)	Xã Tân Thanh	Quyết định 140/QĐ-BQLKKTCK ngày 20/11/2023 của Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Tân Thanh (Khu II)	69.534,5	25.333,2			0,0	Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
4	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Bình Gia, Văn Lãng, Trảng Định theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2025	Xã Trùng Khánh, Bắc Hùng, Bắc Việt, Gia Miễn	Văn bản số 1555/PCLS-QLDA+KT ngày 04/8/2024 V/v đăng ký danh mục ĐTXD công trình mạch vòng, đa chia - đa nối (MDMC) năm 2025	480,0	80,0			70,0	Điều chỉnh tên, quy mô, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
5	Cải tạo đường dây 35kV nâng cao năng lực mạch vòng 371E13.9 - 377E13.6 Văn Lãng - Trảng Định năm 2025	Xã Gia Miễn	Văn bản số 1555/PCLS-QLDA+KT ngày 04/8/2024 V/v đăng ký danh mục ĐTXD công trình mạch vòng, đa chia - đa nối (MDMC) năm 2025.	500,0	100,0			70,0	Điều chỉnh tên, quy mô, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
6	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Lãng, Trảng Định năm 2023	Các xã, thị trấn	Quyết định số 1037/QĐ-PCLS ngày 20/12/2022 của Công ty điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Lãng, Trảng Định năm 2023	650,0	100,0			150,0	Điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
7	Nâng cao năng lực mạch vòng Đồng Đăng - Đồng Mỏ và độ tin cậy cung cấp điện khu vực 03 huyện Văn Lãng, Trảng Định, Bình Gia	Các xã: Tân Mỹ, Hoàng Việt và thị trấn Na Sầm	Quyết định số 701/QĐ-PCLS ngày 10/7/2021 của Công ty điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình	1.110,0	300,0			170,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	

8	Khu dân cư Tân Thanh (Khu I)	Xã Tân Thanh	Danh mục thu hút vốn đầu tư của tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2022 - 2025 QĐ 2222/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh	101.800,0	37.100,0			29.000,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
9	Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc huyện Văn Lãng, Văn Quan	Các xã: Nhạc Kỳ, Hồng Thái	Quyết định số 736a/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc, huyện Văn Lãng, Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	36.000,0	7.000,0			9.100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
10	Xử lý sạt lở tại Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở xã Nhạc Kỳ, huyện Văn Lãng	Xã Nhạc Kỳ	Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện Văn Lãng Ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp cho Công trình: Xử lý sạt lở tại Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở xã Nhạc Kỳ, huyện Văn Lãng	4.450,0	40,0			1.210,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
11	Đường liên xã từ thôn Bản Kia xã Hội Hoan đến thôn Nà Pục, xã Bắc La, huyện Văn Lãng	Các xã Hội Hoan, Bắc La	Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Văn Lãng về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đường liên xã từ thôn Bản Kia xã Hội Hoan đến thôn Nà Pục, xã Bắc La, huyện Văn Lãng	52.800,0	400,0			44.600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
12	Trạm y tế xã Bắc La	Xã Bắc La	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Văn Lãng về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023	2.000,0	100,0			1.900,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	
13	Sân thể thao trung tâm xã Bắc La	Xã Bắc La	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Văn Lãng về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023	2.700,0	1.200,0			1.200,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh Lạng Sơn	

14	ĐZ trung áp và TBA	Các xã, thị trấn	Quyết định số 2392/QĐ-EVNNPC ngày 16/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, về việc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn; Văn bản số 2140/PCLS-QLDA+KT+TTBVPC ngày 04/10/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký KHSD đất công trình năng lượng năm 2025	2.000,0	300,0			300,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
15	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Thành Hòa, Bắc La, Tân Tác, Hồng Thái, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Các xã: Thành Hòa, Bắc La, Tân Tác, Hồng Thái	Công văn số 1108/PCLS của Công ty Điện lực Lạng Sơn đăng ký danh mục lưới điện hạ áp nông thôn (2024)	500,0	180,0			50,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
16	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Lộc Bình, Đình Lập, Văn Lãng, Trảng Định năm 2025	Xã Tân Thanh	Công văn số 438/PCLS-KT+QLDA ngày 08/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình lưới điện THA năm 2025	850,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
IX	Huyện Trảng Định: 05 dự án									
1	Mở rộng trường PTDTBT TH, THCS xã Chí Minh	Xã Chí Minh	Quyết định số 3333/QĐ-UBND, ngày 23/12/2022 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	3.000,0	3.000,0				Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
2	Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ, thành lập bản mới giáp biên vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Tân Minh, huyện Trảng Định	Xã Tân Minh	Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND huyện về Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án: Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ, thành lập bản mới giáp biên vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Tân Minh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn	98.100,0	8.875,0			53.744,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh	
3	Cây TBA CQT lưới điện, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Lãng, Trảng Định năm 2023	Các xã, thị trấn.	Quyết định số 1073/QĐ-PCLS ngày 20/12/2022 Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Lãng, Trảng Định năm 2023	600,0	200,0			100,0	Điều chỉnh tên dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	

4	San ủi, GPMB và XD khu phòng học bộ môn Trường THCS thị trấn Thất Khê	Xã Đại Đồng	Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định về việc Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án công trình: San ủi, GPMB và XD khu phòng học bộ môn Trường THCS thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	1.972,0	1.848,0				Điều chỉnh tên dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
5	Khu dân cư thôn Pác Luồng	Xã Đề Thám	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND huyện Tràng Định Về việc phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu dân cư thôn Pác Luồng (phục vụ tái định cư) thuộc Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)	49.900,0	48.221,0				Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
X Huyện Lộc Bình: 23 dự án										
1	Cải tạo nâng cao năng lực mạch vòng 373E13.8 Cao Lộc -376E13.2 Lạng Sơn khu vực Bằng Khánh – Mẫu Sơn năm 2025	Xã Khánh Xuân, Mẫu Sơn	Quyết định số 2365/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc về việc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2025 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn	640,0	120,0			60,0	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
2	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Minh Hiệp, Sần Viên huyện Lộc Bình; xã Thái Bình huyện Đình Lập tỉnh Lạng Sơn năm 2023	Xã Minh Hiệp, Sần Viên	Quyết định 1252/QĐ-PCLS ngày 18/11/2023 phê duyệt Báo cáo KT-KT đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Minh Hiệp, Sần Viên huyện Lộc Bình; xã Thái Bình huyện Đình Lập tỉnh Lạng Sơn năm 2023	600,0	130,0			100,0	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và bổ sung diện tích chuyển mục đích rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
3	Xây mới trụ sở công an xã Hữu Khánh	Xã Hữu Khánh	Văn bản số 2403/CAT-PH10 ngày 27/6/2022 của Công an tỉnh Lạng Sơn	2.500,0				2.500,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	

4	Mở rộng sân thể thao xã Khánh Xuân	Xã Khánh Xuân	Chương trình xây dựng nông thôn mới	5.000,0				5.000,0	Điều chỉnh quy mô dự án bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư bệnh viện thị trấn Lộc Bình	TT Lộc Bình	Quyết định số 5857a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu định cư và dân cư Bệnh viện, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	48.200,0	16.500,0			800,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh	
6	Cụm công nghiệp Na Dương 1	Xã Đông Quan	Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Na Dương thành các Cụm công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	167.500,0	29.900,0			97.900,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
7	Bãi đổ thải vật liệu xây dựng	Thị trấn Lộc Bình	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/7/2023, Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Lộc Bình về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 huyện Lộc Bình; Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND huyện Lộc Bình về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Lộc Bình	120.000,0	6.189,0			113.670,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	
8	Đất san lấp Hữu Khánh	Xã Hữu Khánh	Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016; Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Thông báo số 47/TB-STNMT ngày 12/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả lựa chọn tổ chức đề cấp giấy phép thăm dò mỏ đất san lấp Bán Hoi, xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình	64.400,0	400,0			62.600,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

9	Khu tái định cư và dân cư 8+10	Thị trấn Na Dương	Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện Lộc Bình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu tái định cư và dân cư 8 + 10, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Thông báo số 464/TB-UBND ngày 22/9/2023 Kết luận của đồng chí Lương Trọng Quỳnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp xem xét, rà soát quỹ đất tái định cư và dự kiến đầu tư xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn huyện, thành phố	30.700,0	200,0			13.400,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
10	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo đường thôn Nà Mu - Nà Xóm	Xã Lợi Bắc	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Lộc Bình về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Lộc Bình	13.000,0	3.000,0			5.000,0	Điều chỉnh quy mô dự án và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
11	Mở rộng tuyến đường Hán Sải - Pò Mạ (ĐX.318)	Xã Thống Nhất	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Lộc Bình về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Lộc Bình	15.000,0	3.600,0			11.400,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
12	Đường bê tông xi măng thôn Nà Mò - Tà Lạng - Pò Nhàng	Xã Sằn Viên	Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND huyện Lộc Bình về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Lộc Bình	7.500,0	2.000,0			3.000,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
13	Khu tái định cư Quốc lộ 4B (thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn Km3+700 đến Km18)	Xã Khánh Xuân	Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh. Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025	126.400,0	25.400,0			54.900,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
14	Cây TBA khu vực Nà Lầm để giảm bán kính cấp điện, CQT cho TBA Lục Thôn, H. Lộc Bình.	Các xã: Đông Quan, Tú Đoạn, Khánh Xuân, TT Lộc Bình	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	320,0	160,0			30,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

15	Cây TBA khu vực Pác Mạ để giảm bán kính cấp điện, CQT cho TBA Long Đầu, H.Lộc Bình	Các xã: Đông Quan, TT Na Dương, xã Lợi Bắc, huyện Lộc Bình	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	340,0	155,0			30,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
16	Cây TBA Na Dương 14 khu vực TT Na Dương để giảm bán kính cấp điện, CQT cho TBA TBA Na Dương 10 - TT Na Dương	Xã Minh Hiệp, Tú Đoạn, TT Na Dương	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	250,0	28,0			32,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
17	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Lạng Sơn năm 2024	Xã Mẫu Sơn	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	180,0	40,0			30,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
18	Cây TBA khu vực Bản Tằng để giảm bán kính cấp điện, CQT cho TBA Bằng Khánh, TBA Xuân Mãn huyện Lộc Bình	Xã Mẫu Sơn	Quyết định 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024	180,0	40,0			30,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
19	Cụm công nghiệp Na Dương 2	Xã Đông Quan	Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình	456.700,0	62.800,0			263.300,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
20	Cụm công nghiệp Na Dương 3	Xã Đông Quan	Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án	486.000,0	32.500,0			366.500,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
21	Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn các Xã Hữu Khánh, Lợi Bắc, Tú Đoạn, Vân Mộng, Nam Quan huyện Lộc Bình	Xã Hữu Khánh, Lợi Bắc, Tú Đoạn, Vân Mộng, Nam Quan huyện Lộc Bình	Quyết định số 1242/QĐ-PCLS ngày 17/11/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn phê duyệt Báo các KTKT đầu tư xây dựng công trình	550,0	120,0			60,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	

22	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Lộc Bình, Văn Quan năm 2024	TT Lộc Bình; các xã Minh Hiệp; TT Na Dương; Đồng Bục	Quyết định số 854/QĐ-PCLS ngày 13/9/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình	600,0	120,0			60,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
23	Xuất tuyến trung áp 35kV lộ 371, 373, 375 sau TBA 110kV Lộc Bình	Các xã: Đông Quan, Tú Đoạn, Hữu Khánh, Khánh Xuân, TT Lộc Bình	Quyết định số 175/QĐ-EVNNPC ngày 05/02./2024 của Tổng Công ty Điện lực Miền bắc về việc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2024 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn	1.000,0	160,0			60,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
XI Huyện Đình Lập: 10 dự án										
1	Khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	TT.Đình Lập; X.Đình Lập	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 7/10/2021 của UBND tỉnh về Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án; Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 7/10/2019 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết KĐT phía Đông thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỷ lệ 1/500	147.900,0	56.100,0				Điều chỉnh quy mô dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	
2	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập	TT.Đình Lập	Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND huyện Đình Lập về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đình Lập, giai đoạn 2021-2025	723.000,0	35.000,0			11.200,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	
3	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	X.Bắc Lãng	Quyết định 2086/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	261.100,0	20.700,0			201.900,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2023 của HĐND tỉnh	

4	Dự án đường ĐH46 Cồn Quan - Pò Khoang, xã Đình Lập	X.Đình Lập	Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND huyện Đình Lập về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đình Lập, giai đoạn 2021-2025	40.700,0	1.600,0	0,0		25.400,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
5	Dự án LS-02-ĐR1: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện (ĐH.47) Châu Sơn - Đồng Thắng, huyện Đình Lập	X.Châu Sơn; X.Đồng Thắng	Quyết định số 576/QĐ- TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: “Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía bắc, tỉnh Lạng Sơn” sử dụng vốn vay Nhật Bản	275.000,0	6.600,0	118.000,0		138.000,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và rừng phòng hộ, bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
6	Bến xe huyện Đình Lập	X.Đình Lập	QĐ số 1873/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND huyện Đình Lập Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đình Lập, giai đoạn 2021-2025	8.800,0	5.600,0				Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
7	Công trình Di chuyển hệ thống điện để giải phóng mặt bằng Dự án Nâng cấp đoạn Km18-Km80 Quốc lộ 4B	TT.Đình Lập; X.Đình Lập; X.Cường Lợi; X.Châu Sơn; X.Bắc Lãng	Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án nâng cấp đoạn Km18 - Km80, quốc lộ 4B	4.000,0	600,0			2.000,0	Điều chỉnh bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	
8	Công trình Di chuyển hệ thống điện để giải phóng mặt bằng Dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30A Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ an ninh quốc phòng huyện Đình Lập	X.Cường Lợi; X.Đồng Thắng; X.Lâm Ca	Quyết định số 1570a/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án	500,0		30,0		350,0	Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh	

9	Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Minh Hiệp, Sắn Viên, huyện Lộc Bình, xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn năm 2023	X.Thái Bình	Quyết định số 1239/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt Danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2025 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn	520,0	100,0			100,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh	
10	Di chuyển hệ thống đường điện để giải phóng mặt bằng dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Đình Lập	X.Bắc Lãng	Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Di chuyển hệ thống đường điện để giải phóng mặt bằng dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Đình Lập	4.600,0	600,0			3.000,0	Bổ sung diện tích chuyển mục đích đất rừng sản xuất so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
Tổng số: 143 dự án				9.747.093,6	1.373.746,9	118.030,0	0,0	4.076.522,1		